

Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.89	9.58	9.14	8.67	9.04
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					6.89	5.58	5.14	6.67	9.04
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.97	952.97	952.95	652.87	652.85	652.85	652.85	652.90	652.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.10	1.10	0.50	0.00	0.68	0.61	0.52	0.40	0.32
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				69.28	69.32	69.34	69.35	69.35	69.35
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				21.00	20.87	19.27	18.26	19.08	21.40
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				7.60	15.60	18.10	18.10	20.50	20.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.27	37.25	37.25	37.25	37.25	37.25
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.00	0.99	0.98	0.96	0.93	0.90
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.89	60.85	60.90	60.90	60.90	60.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.94	0.93	0.90	0.87	0.82	0.78
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.70	24.65	24.65	24.65	24.65	24.65
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				44.13	44.41	46.65	45.93	47.98	50.08
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				44.13	44.13	46.50	46.50	48.00	48.00

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.97 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.86 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.22 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.36 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.30 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.18 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.87 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 69.28 m
- Lưu lượng đến hồ: 21.00 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.27 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.89 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.94 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 24.70 m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa